

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 253/2026/DS-ST
Ngày: 22/7/2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Ngân

2. Bà Nguyễn Thị Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 237/2025/TLST-DS ngày 03/3/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 511/2026/QĐXXST-DS ngày 26/5/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 353/2026/QĐST-DS ngày 25/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1; mã số doanh nghiệp: 0100233583; địa chỉ trụ sở: số H L, phường G, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Tầng G, tòa nhà C, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lương Thế V; sinh năm: 2002; căn cước công dân số: 054202007635 cấp ngày 31/5/2021; chức vụ: Nhân viên xử lý nợ là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 30701/2026/UQN-PLKHCN6 ngày 07/01/2026) – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1963; căn cước công dân số: 079063001816 cấp ngày 30/11/2023; Địa chỉ: F V, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là Phường N, Quận A); địa chỉ liên hệ: 41 đường C

Phường T (trước đây là Phường T, Quận G), Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần J (Tên cũ: Công ty Cổ phần J); mã số doanh nghiệp: 011065086; địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, Phường Y, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Tầng G, tòa nhà C, số D N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Ông Nguyễn Khắc Quang H1, sinh năm: 1997; căn cước công dân số: 075097007177 cấp ngày 05/8/2022; chức vụ: Nhân viên xử lý nợ là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền số 60703/2026/UQ-XLN-JUPITERMN ngày 13/3/2026) - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện ngày 13/02/2025, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 trình bày:

Ngân hàng TMCP V1 (Ngân hàng) - Chi nhánh T1 có cho ông Nguyễn Minh H vay vốn theo các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng cho vay số: LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/01/2024: Số tiền giải ngân: 7.665.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz AMG G63, 4.0L, A, sản xuất 2022 mới 100%. Thời hạn vay: 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên. Phương thức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 12.3%/năm, lãi cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Hợp đồng cho vay số: LN2401261704496 ký ngày 02/02/2024, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 02/02/2024: Số tiền giải ngân: 500.000.000 đồng. Mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình. Thời hạn vay: 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên. Phương thức điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân: 10.9%/năm, lãi cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân. Sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz, số loại: AMG G63, số máy: 17798060203474; số khung: W1N4632761X427635; biển kiểm soát: 51L-032.49 thuộc quyền sở hữu của ông

Nguyễn Minh H theo hợp đồng thế chấp số LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024.

Quá trình sử dụng vốn vay, khách hàng đã thanh toán nợ cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 318.967.097 đồng và nợ lãi là: 335.000.023 đồng, sau đó khách hàng không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Ngày 16/05/2024, khoản vay từ Hợp đồng cho vay số LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024 và Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 ký ngày 02/02/2024 chuyển nợ quá hạn. Nguyên đơn đã nhiều lần mời khách hàng làm việc, tạo điều kiện về thời gian và đề nghị thanh toán nợ vay nhưng khách hàng vẫn không trả nợ vay cho Ngân hàng nhưng bị đơn ông Nguyễn Minh H không tiếp tục thanh toán.

Ngày 28/03/2025, Ngân hàng TMCP V1 ký kết với Công ty Cổ phần J (Tên cũ: Công ty Cổ phần J) (Công ty J) Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER và phụ lục Hợp đồng số 01/HĐ/2025/VPB-JUPITER, theo đó, Ngân hàng đồng ý bán và Công ty J đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Nguyễn Minh H, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thế chấp mà ông Nguyễn Minh H đã ký kết với Ngân hàng TMCP V1, cụ thể như sau: Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024 và Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 ký ngày 02/02/2024. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty J kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng bị xâm phạm nên đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu như sau:

- Buộc ông Nguyễn Minh H thanh toán cho Ngân hàng và Công ty J nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) Hợp đồng cho vay số LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024 và Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 ký ngày 02/02/2024 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/7/2026 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên, cụ thể như sau:

- Hợp đồng LN2312061127905:

+ Nợ gốc 7.345.623.977 đồng (Công ty J 6.978.342.778 đồng, Ngân hàng 367.281.199 đồng)

+ Nợ lãi: 3.081.606.145 đồng (Công ty J 2.927.525.837 đồng, Ngân hàng 154.080.308 đồng)

- Hợp đồng LN2401261704496:

+ Nợ gốc 484.376.000 đồng (Công ty J 460.157.200 đồng, Ngân hàng 24.218.800 đồng)

+ Nợ lãi: 191.411.164 đồng (Công ty J 181.840.607 đồng, Ngân hàng 9.570.557 đồng)

- Tổng cộng: Nợ gốc và nợ lãi 11.103.017.286 đồng, (Công ty J 10.547.866.422 đồng, Ngân hàng 555.150.864 đồng)

- Buộc ông Nguyễn Minh H còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng trên từ ngày 23/7/2026 cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1, Công ty Cổ phần J tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với khoản nợ.

- Trường hợp ông Nguyễn Minh H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1, Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay là: 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz, số loại: AMG G63, biển kiểm soát: 51L-032.49; số khung: WIN4632761X427635; số máy: 17798060203474 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Công an Thành phố H cấp thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Minh H.

2. Bị đơn ông Nguyễn Minh H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật: Tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia xét xử cho ông Nguyễn Minh H. Tuy nhiên, bị đơn không có văn bản phản hồi ý kiến bằng văn bản, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được.

3. Tại văn bản ngày 10/7/2025, bản khai đề ngày 30/3/2026, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần J trình:

Ông Nguyễn Minh H vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 ký kết với nhau các Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng cho vay số: LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024, phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 15/01/2024: số tiền vay là 7.665.000.000 đồng và Hợp đồng cho vay số: LN2401261704496 ký ngày 02/02/2024, phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 02/02/2024, số tiền vay 500.000.000 đồng và ký hợp đồng thế chấp số LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024, tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: MERCEDES BENZ, số loại: AMG G63, biển kiểm soát: 51L-032.49, số khung: WIN4632761X427635, số

máy: 17798060203474 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng CSGT - Công an T như Ngân hàng đã trình bày nêu trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Minh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký. Ngân hàng đã nhiều lần mời khách hàng làm việc, tạo điều kiện về thời gian và đề nghị thanh toán nợ vay nhưng phía khách hàng vẫn không trả nợ vay cho Ngân hàng.

Ngày 28/3/2025, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 ký kết với Công ty J AMC Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER và các Phụ lục đính kèm, theo đó, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 đồng ý bán và Công ty J đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Nguyễn Minh H, bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng cho vay, Hợp đồng thế chấp mà ông Nguyễn Minh H đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1, cụ thể như sau: Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024 và Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 ký ngày 02/02/2024.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty J kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, Ngân hàng tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty J.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, ông Nguyễn Minh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ đã chuyển sang quá hạn.

Tạm tính đến ngày 22/7/2026, tổng số tiền ông Nguyễn Minh H còn nợ Công ty J và Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024 và Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 ký ngày 02/02/2024 là:

	Số Hợp đồng	Công ty Cổ phần Jupiter AMC	VPBank	Công ty Cổ phần Jupiter AMC và VPBank
Nợ gốc	LN2312061127905	6,978,342,778	367,281,199	7,345,623,977
	LN2401261704496	460,157,200	24,218,800	484,376,000
Tổng cộng nợ gốc		7,438,499,978	391,499,999	7,829,999,977
Nợ lãi	LN2312061127905	2,927,525,837	154,080,308	3,081,606,145

	LN2401261704496	181,840,607	9,570,557	191,411,164
Tổng cộng nợ lãi		3,109,366,444	163,650,865	3,273,017,309
Tổng cộng nợ gốc và lãi		10,547,866,422	555,150,864	11,103,017,286

Vì các lẽ trên, Công ty Cổ Phần J đề nghị Tòa án buộc:

- Buộc ông Nguyễn Minh H phải thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 22/07/2026 theo Hợp đồng cho vay số LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024 và Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 ký ngày 02/02/2024 cụ thể như sau:

	Số Hợp đồng	Công ty Cổ phần Jupiter AMC
Nợ gốc	LN2312061127905	6,978,342,778
	LN2401261704496	460,157,200
Tổng cộng nợ gốc		7,438,499,978
Nợ lãi	LN2312061127905	2,927,525,837
	LN2401261704496	181,840,607
Tổng cộng nợ lãi		3,109,366,444
Tổng cộng nợ gốc và lãi		10,547,866,422

Ngoài ra, ông Nguyễn Minh H còn phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận của các hợp đồng tín dụng trên cho đến khi trả hết nợ vay. Lãi phát sinh phải trả cho Công ty Cổ Phần J tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

Trường hợp, ông Nguyễn Minh H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh, thì Công ty Cổ phần J có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu MERCEDES BENZ, số loại AMG G63, số khung W1N4632761X427635, số máy 17798060203474. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 51L-032.49 do Phòng C Công an Thành phố H cấp, thuộc quyền sở hữu của Ông Nguyễn Minh H.

****Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:***

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng

đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ xác định ông Nguyễn Minh H có và hai Hợp đồng cho vay và Hợp đồng thế chấp xe ô tô Mercedes-Benz AMG G63 để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ theo thỏa thuận, ông H đã nhận tiền vay và thanh toán được một phần nợ gốc, lãi nhưng sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên khoản vay bị chuyển sang nợ quá hạn theo đúng hợp đồng và quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đã chuyển nhượng 95% quyền yêu cầu đối với khoản nợ cho Công ty Cổ phần J, việc chuyển giao quyền yêu cầu và kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và Công ty J là có căn cứ chấp nhận, buộc ông Nguyễn Minh H thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024 và Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 ký ngày 02/02/2024. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì đề nghị cho phát mại tài sản đảm bảo theo các Hợp đồng thế chấp số LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024 để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

****Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 khởi kiện ông Nguyễn Minh H, địa chỉ số F V, phường N, Quận A tranh chấp về hợp đồng tín dụng; căn cứ kết quả xác minh số 277/2025/PXM ngày 10/3/2025 của Công an Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Cũ): “*Đương sự Nguyễn Minh H, sinh năm 1963 có hộ khẩu thường trú F V, phường N, Quận A. Năm 2002, nhà giải tỏa, không thực tế cư trú tại địa phương. Năm 2002, nhà giải tỏa chuyển về 41 đường C, phường T, Quận G*”. Căn cứ kết quả xác minh số 502/2025/PXM ngày 28/7/2025 của Công an phường T “*Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1963 không đăng ký thường trú, không đăng ký tạm trú, không thực tế cư trú tại D đường C phường T, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của bị đơn ông Nguyễn Minh H tại địa chỉ F V, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh (Trước đây là Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự ngày 25/6/2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn là ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng cung cấp Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025 và phụ lục Hợp đồng số 01/HĐ/2025/VPB-JUPITER về việc Ngân hàng bán một phần nợ khoản nợ của ông Nguyễn Minh H mà Ngân hàng đang khởi kiện trong vụ này cho Công ty Cổ phần J (Được đổi tên thành Công ty Cổ phần J). Công ty J có văn bản số 3607/2025/CV-XLN-JUPITERMN ngày 10/7/2025 đề nghị Tòa án chuyển giao quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng sang cho Công ty J theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 365, Điều 368 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án xác định Công ty Cổ phần J là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và Công ty J:

[5] Ông Nguyễn Minh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp đã được công bố tại phiên tòa gồm: Hợp đồng cho vay số LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024; phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/01/2024; Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 ký ngày 02/02/2024; phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 02/02/2024; Hợp đồng thế chấp số LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024, Phiếu giải ngân tiền vay, ủy nhiệm chi giữa Ngân hàng; Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER và phụ lục Hợp đồng số 01/HĐ/2025/VPB-JUPITER giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 và Công ty Cổ phần J ... và các tài liệu

chứng khác có trong hồ sơ vụ án xác định giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Minh H; giữa Ngân hàng và Công ty J có xác lập các giao dịch dân sự liên quan đến hoạt động tín dụng Ngân hàng nêu trên.

[6] Xét, Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER và phụ lục Hợp đồng số 01/HĐ/2025/VPB-JUPITER ngày 28/03/2025 giữa Ngân hàng và Công ty J: Theo khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng, thì “...*Bên bán nợ đồng ý bán cho bên mua nợ một phần khoản nợ (bao gồm cả gốc, lãi, lãi phạt và phí chưa thanh toán) và các quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ này (bao gồm tài sản bảo đảm, biện pháp bảo lãnh (nếu có)). Phạm vi mua bán nợ được quy định tại khoản 2 Điều này*”. Điểm a khoản 2 Điều 1 Hợp đồng thỏa thuận: Khoản nợ được mua bán theo hợp đồng là 95% của nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm.... Phát sinh theo hợp đồng tín dụng ... 5% của khoản nợ còn lại... vẫn thuộc sở hữu của bán bán nợ và không được chuyển giao cho bên mua nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 365, Điều 368, Điều 450 Bộ luật Dân Sự 2015; Thông tư 09/2015/TTNHN ngày 17/7/2015 quy định về hoạt động mua bán nợ của các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 03/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu tại Tòa án nhân dân về kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng. Xác định thủ tục chuyển quyền cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ngân hàng và Công ty J yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Minh H thanh toán số tiền nợ gốc 7.829.999.977 đồng và nợ lãi quá hạn tính từ ngày 15/6/2024 đến ngày 22/7/2026 là 3.273.017.309 đồng của Hợp đồng cho vay số LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024; phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/01/2024; Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 ký ngày 02/02/2024; phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 02/02/2024 theo tỷ lệ 5% và 95% của Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/03/2025; Hội đồng xét xử xét thấy:

[7.1] Xét Hợp đồng cho vay số LN2312061127905 ngày 15/01/2024; số tiền vay: 7.665.000.000 đồng; mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu Mercedes-Benz AMG G63, 4.0L, A, sản xuất 2022 mới 100% phục vụ nhu cầu đi lại cá nhân; giải ngân theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bên thụ hưởng; thời hạn vay: 96 tháng tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; trả gốc và lãi vay theo kỳ 01 tháng/01 lần vào các ngày 15, bắt đầu kỳ đầu tiên ngày 15/02/2024, số tiền trả mỗi kỳ là 79.844.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 79.820.000 đồng; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 12,3%, lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần.

Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; phương pháp tính lãi theo điểm d khoản 7 Điều 1 Hợp đồng

Theo thỏa thuận hợp đồng, ngày 15/01/2024, Ngân hàng giải ngân số tiền 7.665.000.000 đồng vào tài khoản của ông H mở tại Ngân hàng để ông H thanh toán tiền mua bán xe cho Công ty TNHH MTV - theo mục đích vay của hợp đồng tín dụng. Sau khi giải ngân, từ ngày 14/02/2024 đến ngày 14/6/2024 ông H đã thanh toán được 319.376.023 đồng tiền gốc và 303.728.603 đồng tiền lãi. Ngày 15/6/2024 ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn, xác định số tiền số tiền nợ gốc chuyển nợ quá hạn là 7.345.623.977 đồng.

[7.2] Xét Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 ngày 02/02/2024: số tiền vay: 500.000.000 đồng; mục đích vay: Vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình; thời hạn vay: 96 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên; trả gốc và lãi vay theo kỳ 01 tháng/01 lần vào các ngày 15, bắt đầu kỳ đầu tiên ngày 15/03/2024, số tiền trả mỗi kỳ là 5.208.000 đồng, riêng kỳ cuối trả 5.240.000 đồng; lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 10.9%, lãi suất cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân, sau đó được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, phương pháp tính lãi theo điểm d khoản 7 Điều 1 Hợp đồng

Theo thỏa thuận hợp đồng, ngày 02/02/2024, Ngân hàng giải ngân số tiền 500.000.000 đồng vào tài khoản của ông H mở tại Ngân hàng. Sau khi giải ngân, từ ngày 02/3/2024 đến ngày 13/6/2024 ông H đã thanh toán 15.624.000 đồng tiền gốc và 15.238.494 đồng tiền lãi. Ngày 15/6/2024 ngân hàng chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn, xác định số tiền số tiền nợ gốc chuyển nợ quá hạn là 484.376.000 đồng.

[7.3] Như vậy, số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả đối với Hợp đồng cho vay số LN2312061127905 ngày 15/01/2024 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/7/2026 là 7.345.623.977 đồng nợ gốc, 74.358.001 đồng nợ lãi trong hạn và 3.007.248.144 đồng nợ lãi quá hạn. Số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả đối với LN2401261704496 ngày 02/02/2024 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/7/2026 là 484.376.000 đồng nợ gốc, 4.399.562 đồng nợ lãi trong hạn và 187.011.602 đồng nợ lãi quá hạn.

Tổng cộng: 7.829.999.977 đồng nợ gốc, 3.273.017.309 đồng nợ lãi trong hạn nợ lãi quá hạn.

[8] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 1 Hợp đồng cho vay số LN2312061127905 ngày 15/01/2024 và Điều 1 Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 ngày 02/02/2024 nên Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn;

việc chuyển nợ quá hạn đối với khoản tín dụng quá hạn là phù hợp với thỏa thuận Hợp đồng và phù hợp với quy định tại Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, 8, 12 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất; các Điều 18, 20, 21 của Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (khoản 4, Điều 18 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 06/2023/TT-NHNN ngày 28 tháng 6 năm 2023), Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với phần 5% quyền yêu cầu còn giữ lại và chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần J đối với 95% quyền yêu cầu đã được chuyển giao, buộc ông Nguyễn Minh H thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn theo các Hợp đồng cho vay nêu trên.

[9] Xét, yêu cầu Tòa án phát mại tài sản bảo đảm của Ngân hàng và Công ty J trong trường hợp ông Nguyễn Minh H không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đủ số nợ nêu trên thì yêu cầu phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[9.1] Để bảo đảm cho Hợp đồng cho vay số LN2312061127905 ngày 15/01/2024; Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 ký ngày 02/02/2024 và phụ lục hợp đồng, ông Nguyễn Minh H đã thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu: MERCEDES BENZ, số loại: AMG G63, biển kiểm soát: 51L-032.49, số khung: WIN4632761X427635, số máy: 17798060203474 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 041615 do Phòng C - Công an Thành phố H cấp ngày 15/01/2024; Hợp đồng thế chấp số LN2312061127905 ngày 15/01/2024 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 02/02/2024 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Minh H; đăng ký giao dịch bảo đảm số 1525602612 ngày 17/01/2024 tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Đà Nẵng; Nghĩa vụ bảo đảm: Toàn bộ các nghĩa vụ trả nợ hiện tại và phát sinh trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Được Bảo Đảm đối với Bên Ngân Hàng phát sinh từ tất cả các Văn Kiện Tín Dụng (bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ, đề nghị phát hành bảo lãnh, đề nghị phát hành L, đề nghị chiết khấu và các văn bản liên quan (nếu có) được xác lập bởi Bên Được Bảo Đảm và/hoặc được ký kết giữa Bên Được Bảo Đảm với Bên Ngân Hàng và bên liên quan khác (nếu có) trước, trong và sau ngày ký kết Hợp Đồng này.

[9.2] Theo kết quả xác minh tại Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H số 1548/PC08-ĐKX ngày 26/4/2025: “Xe ô tô mang biển kiểm soát 51L-032.49; Nhãn hiệu: MERCEDES-BENZ; Số loại: AMG G63; Loại xe: Ô TÔ

CON; Màu sơn: XÁM; Số máy: 17798060203474; Số khung: WIN4632761X427635; ngày 15/01/2024 đăng ký chủ sở hữu: Nguyễn Minh H; địa chỉ: F V, Phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ ngày 15/01/2024 đến nay không thay đổi chủ sở hữu. Xe ô tô trên đang thế chấp theo Thông báo số 9260100164/TB-TT3 ngày 17/01/2024 của Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Đà Nẵng”.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Ngân hàng và Công ty J xác nhận không kiểm tra được tài sản bảo đảm, do bị đơn không hợp tác nên không biết được tài sản bảo đảm hiện tại được bị đơn cất giữ tại đâu nên Tòa án không xem xét tài sản bảo đảm được.

[9.3] Xét, Hợp đồng thế chấp nêu trên được thỏa thuận, ký kết trên cơ sở tự định đoạt của những người có thẩm quyền, mục đích và nội dung thỏa thuận không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật, hợp đồng thế chấp đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại các Điều 293, 299, 320, 322 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 5, 8, 22, 23, 24 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật Dân sự về đảm bảo thực hiện nghĩa vụ; Điều 21 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên có hiệu lực pháp luật. Do đó, khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bên vay không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng và Công ty J có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm nêu trên theo quy định của pháp luật tương ứng với quyền yêu cầu của mỗi bên để thu hồi nợ.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1963 là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Tuy nhiên, Tòa án không nhận được đơn đề nghị được miễn, giảm tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án của bị đơn nộp kèm theo các tài liệu, chứng cứ chứng minh thuộc trường hợp được miễn, giảm nên bị đơn vẫn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng và Công ty J là 11.103.017.286 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 119.103.017 đồng.

Ngân hàng và Công ty J không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng

[11] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự ngày 25/6/2025

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 293, 299, 320, 322 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V1 và Công ty Cổ phần J

- Buộc ông Nguyễn Minh H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần J và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 số tiền gốc và lãi phát sinh từ Hợp đồng cho vay số LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024; phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/01/2024; Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 kỳ ngày 02/02/2024; phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 02/02/2024 tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/7/2026 là 11.103.017.286 đồng; trong đó nợ gốc là 7.829.999.977 đồng và tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là 3.273.017.309 đồng. Cụ thể:

+ Trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 5% khoản nợ gốc và nợ lãi là 555.150.864 đồng; trong đó nợ gốc là 391.499.999 đồng và tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là 163.650.865 đồng

+ Trả cho Công ty Cổ phần J 95% khoản nợ gốc và nợ lãi là 10.547.866.422 đồng; trong đó nợ gốc là 7.438.499.978 đồng và tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn là 3.109.366.444 đồng

Kể từ ngày 23/7/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Minh H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng cho vay số LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024; phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/01/2024; Hợp đồng cho vay số LN2401. Trường hợp trong các Hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Nguyễn Minh H phải tiếp tục thanh toán theo

bản án này cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Sau khi ông Nguyễn Minh H thanh toán toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi của các Hợp đồng cho vay số LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024; phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/01/2024; Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 kỳ ngày 02/02/2024; phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 02/02/2024 thì Công ty Cổ phần J và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 có nghĩa vụ: Trả lại cho ông Nguyễn Minh H bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 041615, mang biển kiểm soát 51L-032.49; Nhãn hiệu: MERCEDES-BENZ; SỐ loại: AMG G63; Loại xe: Ô TÔ CON; Màu sơn: XÁM; Số máy: 17798060203474; Số khung: WIN4632761X427635; chủ sở hữu: Nguyễn Minh H do Phòng C - Công an Thành phố H cấp ngày 15/01/2024.

3. Trường hợp ông Nguyễn Minh H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ gốc và nợ lãi của các Hợp đồng cho vay số LN2312061127905 ký ngày 15/01/2024; phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 15/01/2024; Hợp đồng cho vay số LN2401261704496 kỳ ngày 02/02/2024; phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 02/02/2024, thì Công ty Cổ phần J và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm: Xe ô tô mang biển kiểm soát 51L-032.49; Nhãn hiệu: MERCEDES-BENZ; SỐ loại: AMG G63; Loại xe: Ô TÔ CON; Màu sơn: XÁM; Số máy: 17798060203474; Số khung: WIN4632761X427635; chủ sở hữu: Nguyễn Minh H do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 50 041615, ngày 15/01/2024 đã được đăng ký tài sản bảo đảm số 1525602612 để thi hành án theo tỷ lệ Công ty Cổ phần J 95% giá trị tài sản và Ngân hàng TMCP V1 5% giá trị tài sản.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần J và Ngân hàng TMCP V1 không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.646.500 đồng theo biên lai thu số 0082762 ngày 03/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1 (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1).

- Bị đơn ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí số tiền 119.103.017 đồng

5. Về kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 36, Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV1 – Tp. Hồ Chí Minh;
- PTHADS KV1 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ việc.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phụng